

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị (gọi tắt “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200294306 đăng ký lần đầu ngày 18/12/2008 và đăng ký thay đổi lần 01 ngày 08/07/2013, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn Điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 01 ngày 08/07/2013 là 23.530.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.353.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Chơn Biên	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Trung	Thành viên
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Ông Phạm Công Lê Luận	Thành viên
Ông Mai Văn Tý	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Nhân	Kế toán trưởng

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2021 của Công ty kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính của Công ty hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2021 của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Cường  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 20 tháng 12 năm 2021

Số: 266/2021/BCKT- CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2021**  
**của Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị**

**Kính gửi:**           **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2021 của Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị, được lập ngày 20/12/F2021, từ trang 06 đến trang 22 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/09/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách-kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm 30/09/2021, các khoản nợ phải thu và phải trả tồn đọng không biến động trong nhiều năm chưa được đánh giá khả năng thu hồi, hoặc xác định nghĩa vụ phải trả lần lượt là: 528.409.666 đồng và 54.552.235 đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra đối với số dư của các khoản nợ phải thu, phải trả này, tuy nhiên chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi, nghĩa vụ thanh toán đối với số dư các khoản công nợ nói trên.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị tại ngày 30/09/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2021

---

**Lưu Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

Giấy ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/9/2021	1/1/2021
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>13.319.753.931</b>	<b>13.562.419.857</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.740.369.566</b>	<b>5.105.615.555</b>
1. Tiền	111		11.137.621	57.559.956
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.729.231.945	5.048.055.599
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.822.610.199</b>	<b>1.689.351.911</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	2.822.610.199	1.689.351.911
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>592.621.566</b>	<b>923.082.617</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	525.554.400	909.454.400
2. Trả trước cho người bán	132		8.011.500	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	59.055.666	13.628.217
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>5.122.908.307</b>	<b>5.819.408.307</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.122.908.307	5.819.408.307
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.244.293</b>	<b>24.961.467</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	16.282.826	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	24.961.467	24.961.467
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>6.470.615.392</b>	<b>7.569.130.463</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.470.615.392</b>	<b>7.560.487.060</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	6.470.615.392	7.560.487.060
<i>Nguyên giá</i>	222		21.845.866.927	21.845.866.927
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.375.251.535)	(14.285.379.867)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>8.643.403</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	-	8.643.403
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>19.790.369.323</b>	<b>21.131.550.320</b>

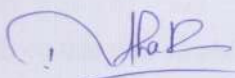
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/9/2021	1/1/2021
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>559.850.952</b>	<b>762.767.669</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>559.850.952</b>	<b>762.767.669</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	54.552.235	346.378.635
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	1.909.091	69.455
4. Phải trả người lao động	314		49.217.076	70.034.861
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	125.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	107.563.799	66.725.967
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		221.608.751	279.558.751
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>19.230.518.371</b>	<b>20.368.782.651</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.12</b>	<b>19.230.518.371</b>	<b>20.368.782.651</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.530.000.000	23.530.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>23.530.000.000</i>	<i>23.530.000.000</i>
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.087.432.356	3.087.432.356
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.386.913.985)	(6.248.649.705)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6.248.608.747)	(877.323.192)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.138.305.238)	(5.371.326.513)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>19.790.369.323</b>	<b>21.131.550.320</b>

Quảng Trị, ngày 20 tháng 12 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng





Hoàng Thị Nhân

Lê Văn Cường

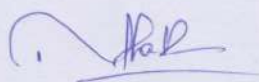
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.382.000.000	221.124.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>1.382.000.000</b>	<b>221.124.000</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.081.272.727	204.398.182
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>300.727.273</b>	<b>16.725.818</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	210.507.050	101.958.794
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	29.136.321	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	949.214.560	626.952.571
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)</b>	<b>30</b>		<b>(467.116.558)</b>	<b>(508.267.959)</b>
11. Thu nhập khác	31		255.454.546	40.000.000
12. Chi phí khác	32		897.052.644	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>(641.598.098)</b>	<b>40.000.000</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.108.714.656)</b>	<b>(468.267.959)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(1.108.714.656)</b>	<b>(468.267.959)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	6.8	(471)	(199)

Quảng Trị, ngày 20 tháng 12 năm 2021

Người lập

KT Kế toán trưởng

Hoàng Thị Nhân



Lê Văn Cường



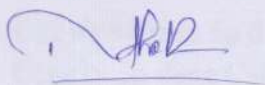
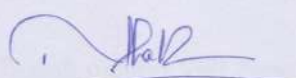
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán
		9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	2.117.600.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02	(750.916.500)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(322.907.674)
4. Tiền lãi vay đã trả	05	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	06	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	07	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	08	(403.983.234)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>639.792.592</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	-
2. Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.133.258.288)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	128.219.331
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.005.038.957)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(365.246.365)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.105.615.931
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.740.369.566</b>

Quảng Trị, ngày 20 tháng 12 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng


Hoàng Thị Nhân

Lê Văn Cường

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200294306 đăng ký lần đầu ngày 18/12/2008 và đăng ký thay đổi lần 01 ngày 08/07/2013, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Linh, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 01 ngày 08/07/2013 là 23.530.000.000 đồng.

### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Trồng cây cao su; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh phân bón, mua bán xuất nhập khẩu vật tư nông nghiệp, cao su nguyên liệu, cao su sơ chế, phân vi sinh, bất hững mù các loại;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất hàng may sẵn; Sản xuất trang phục;
- Khai thác thu gom và chế biến than bùn;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng khai khoáng, xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Xuất khẩu lao động; Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam, ký hiệu VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2021.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tương đương tiền và Tiền đang chuyển và được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác, công cụ tài chính: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư là tiền gửi có kỳ hạn: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị có thể thu hồi được của khoản đầu tư khi giá trị có thể thu hồi được thấp hơn giá trị thu hồi theo thỏa thuận hoặc cam kết tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản tổn thất sẽ ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp không xác định được một cách tin cậy, việc lập dự phòng sẽ không được ghi nhận và Công ty thuyết minh bổ xung các thông tin cần thiết về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phần chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

###### a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

###### b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 21
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 20
Máy móc thiết bị	08 - 13
TSCĐ khác	10 - 16

##### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, chi phí sửa chữa tài sản cố định. Thời gian phân bổ từ 2 - 3 năm.

##### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 20%.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (“Tập đoàn”), Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị (“Công ty mẹ trực tiếp”) và các Công ty con của Tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tập đoàn, Công ty mẹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là hoạt động sản xuất phân bón và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	11.137.621	29.516.481
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	-	28.043.475
Các khoản tương đương tiền (*)	4.729.231.945	5.048.055.599
<b>Tổng</b>	<b>4.740.369.566</b>	<b>5.105.615.555</b>

(\*) Là khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Quảng Trị với lãi suất 3,30%/năm.

5.2 Đầu tư ngắn hạn khác

	30/9/2021 (VND)		01/01/2021 VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Quảng Trị	1.726.212.181	1.726.212.181	1.689.351.911	1.689.351.911
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Quảng Trị	1.096.398.018	1.096.398.018	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.822.610.199</b>	<b>2.822.610.199</b>	<b>1.689.351.911</b>	<b>1.689.351.911</b>

Các hợp đồng tiền gửi có thời hạn: 6 tháng. Lãi suất: 5,7%/năm. Phương thức trả lãi: lãi nhập gốc.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/9/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9 Lê Văn Quốc	-	440.100.000
HTX Vĩnh Thủy	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Thành Trung	168.950.000	168.950.000
Lê Trung Hải	56.265.000	56.265.000
Các khách hàng khác	63.600.000	63.600.000
<b>Tổng</b>	<b>136.739.400</b>	<b>80.539.400</b>

5.4 Phải thu khác

	30/9/2021 (VND)		01/01/2021 VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>59.055.666</b>	-	<b>13.628.217</b>	-
Tạm ứng	-	-	-	-
Phải thu khác	59.055.666	-	13.628.217	-
<b>Tổng</b>	<b>59.055.666</b>	-	<b>13.628.217</b>	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/9/2021 (VND)		01/01/2021 VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu	583.569.812	-	583.569.812	-
Thành phẩm	3.839.338.495	-	3.485.838.495	-
Hàng hóa	700.000.000	-	1.750.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>5.122.908.307</b>	-	<b>5.819.408.307</b>	-

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại 01/01/2021	9.426.690.855	4.712.461.689	2.259.348.163	5.447.366.220	21.845.866.927
Tại 30/9/2021	9.426.690.855	4.712.461.689	2.259.348.163	5.447.366.220	21.845.866.927
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Tại 01/01/2021	5.760.140.519	3.385.063.355	1.748.847.933	3.391.328.060	14.285.379.867
Khấu hao trong năm	464.925.357	228.175.686	122.068.872	274.701.753	1.089.871.668
Tại 30/9/2021	6.225.065.876	3.613.239.041	1.870.916.805	3.666.029.813	15.375.251.535
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/01/2021	3.666.550.336	1.327.398.334	510.500.230	2.056.038.160	7.560.487.060
Tại 30/9/2021	3.201.624.979	1.099.222.648	388.431.358	1.781.336.407	6.470.615.392

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/9/2021: 806.011.099 đồng (tại 01/01/2021: 806.011.099 đồng).

5.7 Chi phí trả trước

	30/9/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Sửa chữa TSCĐ	16.282.826	-
b) Dài hạn		
Sửa chữa TSCĐ	-	8.643.403
<b>Tổng</b>	<b>16.282.826</b>	<b>8.643.403</b>

5.8 Phải trả người bán

	30/9/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP xây lắp An Thịnh Phát	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000
Công ty CP Tư vấn chất lượng công trình Kiến Trúc Xanh	11.823.518	11.823.518	11.823.518	11.823.518
Trung tâm quan trắc và kỹ thuật môi trường QT	22.542.000	22.542.000	22.542.000	22.542.000
Công ty TNHH MTV Quê Lâm Miền Trung	-	-	291.826.400	291.826.400
Các đối tượng khác	186.717	186.717	186.717	186.717
<b>Tổng</b>	<b>54.552.235</b>	<b>54.552.235</b>	<b>346.378.635</b>	<b>346.378.635</b>



5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

a) Thuế phải nộp

	01/01/2021 (VND)	Số phát sinh trong kỳ		30/9/2021 (VND)
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	69.455	96.204.872	94.365.236	1.909.091
Thuế Môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>69.455</b>	<b>99.204.872</b>	<b>97.365.236</b>	<b>1.909.091</b>

b) Thuế phải thu

	01/01/2021 (VND)	Số phát sinh trong kỳ		30/9/2021 (VND)
	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu
Thuế thu nhập cá nhân	24.961.467	-	-	24.961.467
<b>Tổng</b>	<b>24.961.467</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.961.467</b>

5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/9/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí kiểm toán, định giá	125.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>125.000.000</b>	<b>-</b>

5.11 Phải trả khác

	30/9/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	107.563.799	66.725.967
Kinh phí công đoàn	11.769.152	-
Cổ tức phải trả Công ty CP Quasa - Geruco	95.794.647	66.725.967
b) Dài hạn	-	-
<b>Tổng</b>	<b>107.563.799</b>	<b>66.725.967</b>

5.12 **Vốn chủ sở hữu**

**Đôi chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2020	23.530.000.000	3.087.432.356	(5.800.483.502)	20.816.948.854
Số dư 31/12/2020	23.530.000.000	3.087.432.356	(6.248.649.705)	20.368.782.651
Số dư 01/01/2021	23.530.000.000	3.087.432.356	(6.248.649.705)	20.368.782.651
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(1.108.714.656)	(1.108.714.656)
Giảm khác (*)	-	-	(29.590.582)	(29.590.582)
Tăng khác	-	-	40.958	40.958
Số dư 30/9/2021	23.530.000.000	3.087.432.356	(7.386.913.985)	19.230.518.371

(\*) Giảm khác do điều chỉnh lại số dư công nợ về cổ tức phải trả Công ty Cổ phần Quasa – Geruco theo Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 30/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị và Công ty Cổ phần Quasa – Geruco.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/9/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty CP QUASA-GERUCO	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiên Sinh	2.600.000.000	2.600.000.000
Ông Lê Văn Cường	3.930.000.000	3.930.000.000
<b>Tổng</b>	<b>23.530.000.000</b>	<b>23.530.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu, cổ tức và lợi nhuận đã chia**

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp tại ngày đầu năm	23.530.000.000	23.530.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	23.530.000.000	23.530.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	30/9/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.353.000	26.021.300
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.353.000	2.353.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.353.000	2.353.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.353.000	2.353.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.353.000	2.353.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	1.382.000.000	221.124.000
<b>Tổng</b>	<b>1.382.000.000</b>	<b>221.124.000</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.382.000.000</b>	<b>221.124.000</b>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	1.081.272.727	204.398.182
<b>Tổng</b>	<b>1.081.272.727</b>	<b>204.398.182</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
Lãi tiền gửi	210.507.050	101.958.794
<b>Tổng</b>	<b>210.507.050</b>	<b>101.958.794</b>

6.4 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.136.321	-
<b>Tổng</b>	<b>29.136.321</b>	<b>-</b>

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	493.104.694	438.365.891
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	9.788.177	9.384.820
Chi phí khấu hao	163.682.703	-
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.245.720	54.251.860
Chi phí khác bằng tiền	126.393.266	121.950.000
<b>Tổng</b>	<b>949.214.560</b>	<b>626.952.571</b>

6.6 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>255.454.546</b>	<b>40.000.000</b>
Cho thuê mặt bằng nhà xưởng	255.454.546	40.000.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>897.052.644</b>	<b>-</b>
Chi phí khấu hao TSCĐ do ngừng sản xuất	897.052.644	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(641.598.098)</b>	<b>40.000.000</b>

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.108.714.656)	(468.267.959)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	997.052.644	-
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(111.662.012)</b>	<b>(468.267.959)</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.108.714.656)	(468.267.959)
Điều chỉnh tăng, giảm LN kế toán để xác định Lãi (Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.108.714.656)	(468.267.959)
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	2.353.000	2.353.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(471)</b>	<b>(199)</b>

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.081.272.727	204.398.182
Chi phí nhân công	493.104.694	438.365.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.089.871.668	-
Thuế, phí lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.245.720	54.251.860
Chi phí khác bằng tiền	126.393.266	121.950.000
<b>Tổng</b>	<b>2.821.888.075</b>	<b>821.965.933</b>

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2021	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2020
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương và thu nhập khác	129.573.255	250.800.000
<b>Tổng</b>		<b>129.573.255</b>	<b>250.800.000</b>

Trong kỳ kế toán, ngoài phát sinh về tiền lương, thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan cũng như không còn số dư công nợ phải thu, phải trả tại 30/9/2021 với các bên liên quan.

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán được lấy theo số dư ngày 31/12/2020 trên Báo cáo tài chính năm 2020.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 của Công ty chưa được kiểm toán độc lập.

Người lập

KT Kế toán trưởng

Quảng Trị, ngày 20 tháng 12 năm 2021



Hoàng Thị Nhàn

Lê Văn Cường